

Tuần 8:

Ngày dạy:

Bài 28: TRAU DÒI VỐN TỪ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

Những định hướng chính để trau dồi vốn từ

2. Kỹ năng:

- Giải nghĩa từ và sử dụng từ đúng nghĩa, phù hợp với ngữ cảnh.
- Giao tiếp, ra quyết định: tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và sử dụng từ phù hợp trong giao tiếp.

3. Thái độ:

Tích cực tìm hiểu mở rộng và phát triển vốn từ.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Sách GK, giáo án
- HS: học bài, đọc trước bài, soạn bài trả lời các câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

***Vào bài:**

HOẠT ĐỘNG THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG
*HD1: Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ? Đọc các ngữ liệu và trả lời câu hỏi: GDKNS: tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ. 1. Qua ý kiến sau đây, em hiểu tác giả muốn nói gì?: - TV là một ngôn ngữ có khả năng rất lớn để đáp ứng nhu cầu diễn đạt của người Việt. - Muốn phát huy tốt khả năng của TV mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi ngôn ngữ của mình mà trước hết là trau dồi vốn từ. -> Vốn từ là gì? (<i>Tổng thể số lượng, chất lượng từ ngữ mà mỗi người có được do tích lũy. Vì vậy mà người nói phải có vốn từ phong phú, biết nhiều từ, hiểu đầy đủ chính xác nghĩa của nó và cách dùng nó.</i>) 2. Xác định lỗi diễn đạt trong những câu sau: a: VN cho ta rất nhiều thắng cảnh <u>đẹp</u>. b: Các nhà khoa học đã <u>dự đoán</u> những chiếc bình này có cách đây khoảng 2.500 năm. c: Trong những năm gần đây nhà trường đã <u>đẩy mạnh</u> quy mô đào tạo... - đẹp -> (thừa từ) - dự đoán -> ước đoán, phỏng đoán, ước tính - đẩy mạnh -> mở rộng => Không hiểu đúng nghĩa	I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ? 1. Ngữ liệu SGK TV là một ngôn ngữ có khả năng đáp ứng nhu cầu diễn đạt của người Việt. Mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi vốn từ. 2. Ngữ liệu SGK a. Đẹp- thừa b. dự đoán (đoán trước tình hình, sự việc nào đó có thể xảy ra trong tương lai)- sai từ c. Đẩy mạnh (thúc đẩy cho phát triển nhanh lên)- sai từ -> <i>Người viết đã không</i>

?Vì sao các câu lại mắc những lỗi như vậy? Phải chăng vì “tiếng ta nghèo” hay “người viết không biết dùng từ tiếng ta”?
(Người viết đã không biết chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ mà mình sử dụng. Tới nay rõ ràng là “người viết không biết dùng tiếng ta”. Vì vậy cần phải nắm được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ.)

-> ghi nhớ

***HD2: Rèn luyện để làm tăng vốn từ:**

- GDKN sống: Cách trau dồi vốn từ

?Em hiểu ý kiến sau đây như thế nào?

(Nhà văn Tô Hoài phân tích quá trình trau dồi vốn từ của đại thi hào Nguyễn Du:

+ Học lời ăn tiếng nói của nhân dân - ”áy”

+ Nghe, học, sáng tạo trên cơ sở công việc của người hái dâu chần tằm “bén duyên tơ”.)

-> Chúng ta trau dồi vốn từ bằng cách nào?

(Mỗi người có thể tự trau dồi vốn từ cho mình bằng 2 cách :

+ Rèn luyện để biết đầy đủ chính xác nghĩa của từ

+ Rèn luyện học hỏi biết thêm từ mới.) -> **ghi nhớ**

***HD3: Luyện tập:**

- GDKN sống: thực hành có hướng dẫn -> việc sử dụng từ ngữ hợp lí trong giao tiếp.

BT1: Chọn cách giải thích đúng

a- a- b

- BT2: Xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt:

a- tuyệt chủng, tuyệt giao, tuyệt tự, tuyệt thực -> dứt, không còn gì

- tuyệt đỉnh, tuyệt mật, tuyệt tác, tuyệt trần -> cực kì, nhất

b- Cùng nhau, giống nhau: đồng âm, đồng bào, đồng bộ, đồng dạng, đồng khởi, đồng niên, đồng sự

- trẻ em: đồng ấu, nhi đồng, đồng dao, đồng thoại

- Chất đồng: trống đồng

- BT3: Sửa lỗi dùng từ:

a. im lặng: yên tĩnh , vắng lặng...

b. thành lập: thiết lập

c. cảm xúc: cảm động...

- BT4: Bình luận ý kiến sau

Tiếng Việt của chúng ta là một ngôn ngữ trong sáng và giàu đẹp. Điều đó được thể hiện trước hết qua ngôn ngữ của những người nông dân. Muốn gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt phải

biết chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ mà mình sử dụng -> trau dồi vốn từ

Ghi nhớ (SGK)

II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ:

Cách trau dồi vốn từ của Nguyễn Du (Học từ nhân dân; nghe học và sáng tạo)
-> cách trau dồi vốn từ

Ghi nhớ (SGK)

III. Luyện tập:

- BT1: a- a- b

- BT2:

a + Dứt, không còn gì; Cực kì, nhất, tuyệt đỉnh

b.+ Đồng: cùng nhau, trẻ em, chất đồng

- BT3:

+Im lặng: nói về con người, về cảnh tượng của con người

+ thành lập: lập nên, xây dựng nên một tổ chức như nhà nước, đảng, công ti, câu lạc bộ...

+ cảm xúc: sự xúc động trong lòng do tiếp xúc với sự việc gì (dùng như danh từ)

- BT4:

-> Chúng ta cần học tập lời ăn tiếng nói từ những người nông dân.

- BT5: Để làm tăng vốn

học tập lời ăn tiếng nói của họ.

- BT5: Để làm tăng vốn từ cần:

- Chú ý quan sát, lắng nghe lời nói hàng ngày của những người xung quanh và trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình.

- Đọc sách báo, nhất là những tác phẩm văn học mẫu mực của những nhà văn nổi tiếng.

- Ghi chép lại những từ ngữ mới đã nghe được, đọc được. Gặp những từ ngữ khó không tự giải thích được thì tra cứu từ điển hoặc hỏi người khác, nhất là hỏi thầy cô giáo.

- Tập sử dụng những từ ngữ mới trong những hoàn cảnh giao tiếp thích hợp.

- BT6: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

a. Nhược điểm- điểm yếu

b. Cứu cánh= mục đích cuối cùng

c. đề đạt

d. lấu tấu

e. hoảng loạn

- BT7: Phân biệt nghĩa của các từ ngữ như sau:

a. **Nhuận bút**: tiền trả cho người viết một tác phẩm; **thù lao**: trả công để bù đắp vào lao động đã bỏ ra (động từ) hoặc là khoản tiền trả công để bù đắp vào lao động (danh từ). Như vậy, nghĩa của từ **thù lao rộng hơn từ nhuận bút** rất nhiều.

b. **Tay trắng**: không có chút vốn liếng, của cải gì; còn **trắng tay** là bị mất hết tất cả tiền bạc, của cải, hoàn toàn không còn gì.

c. **Kiểm điểm**: xem xét đánh giá lại từng cái hoặc từng việc để có được một nhận định chung; còn **kiểm kê** là kiểm lại từng cái, từng món để xác định số lượng và chất lượng của chúng.

d. **Lược khảo**: nghiên cứu một cách khái quát về những cái chính, không đi vào chi tiết, còn **lược thuật** là kể, trình bày tóm tắt.

BT8: Tìm cặp từ ghép, từ láy có các yếu tố cấu tạo giống nhau:

- **Từ ghép**: bàn luận, ca ngợi, đấu tranh- tranh đấu, cầu khẩn, bảo đảm, dịu hiền, đơn giản, khổ cực, điệu kì, màu nhiệm, thương yêu, đợi chờ, ngoại lệ- lệ ngoại, triển khai- khai triển...

- **Từ láy**: ao ước, bề bộn, bông bênh, dào dạt, dòn dập, đầy đoạ, đau đớn, hắt hiu, hững hờ, khát khao, lọc lừa, manh mối, ngại ngần, ngào ngạt, thiết tha, tối tăm, trắng trời, vương vấn, tả tơi, nhớ nhung.

- Những cặp từ có nghĩa khác nhau: điểm yếu- yếu điểm, vắng lai, lai vắng, công nhân- nhân công, sĩ tử- tử sĩ, bệ hạ- hạ bệ, mắt xanh- xanh mắt...

- BT9: Tìm hai từ ghép có yếu tố Hán Việt cho trước.

+bất (không, chẳng): bất biến, bất bình bình đẳng...

từ cần: nghe, đọc, ghi chép, tra từ điển, sử dụng hợp lí.

- BT 6: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

điểm yếu, mục đích cuối cùng, đề đạt, lấu tấu, hoảng loạn

- BT7: Phân biệt nghĩa của các từ ngữ như sau:

a. Thù lao>nhuận bút

b. Tay trắng><trắng tay

c. Kiểm điểm- kiểm kê

d. Lược khảo- lược thuật

BT8: Tìm cặp từ ghép, từ láy có các yếu tố cấu tạo giống nhau:

- **Từ ghép**: bàn luận, ca ngợi, đấu tranh- tranh đấu, cầu khẩn, bảo đảm,

- **Từ láy**: ao ước, bề bộn, bông bênh, dào dạt, dòn dập, đầy đoạ,

- BT9: Tìm hai từ ghép có yếu tố Hán Việt cho trước.

Bất (không, chẳng), bí (kín), đa (nhiều)

+bí (kín) bí mật, bí truyền... +đa (nhiều) đa cảm, đa nghĩa...	
---	--

IV. Củng cố- HD HS HỌC Ở NHÀ

***Củng cố:** Trau dồi vốn từ bằng cách nào?

***HD:** Học bài, làm lại bài tập, chuẩn bị bài Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.